



Original Article

Potential of Blended Learning at High Schools in Hanoi

Nguyen Hoang Trang*, Mai Van Hung, Nguyen Thi Thuy Quynh

*VNU University of Education, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 07 May 2020

Revised 03 June 2020; Accepted 03 June 2020

Abstract: This study focuses on considering potential for the application of the blended learning model at high schools in Hanoi City. Surveyed in this study are 550 students and 30 teachers in 3 high schools in Hanoi. The nominal scale and convenience sampling method were used. The results of the study showed that there are advantages and disadvantages of applying the model, such as the good ability to furnish personal technology equipment; the habit of teaching and learning with the support of information technology; inequality in teachers' knowledge and experience of blended learning; the fact that teachers' teaching objective is substantially based on traditional teaching. For this reason, some solutions were proposed with a view to efficiently applying the blended learning model, including special importance to the increase of teachers' and students' awareness, investment in infrastructure development, application of the blended learning model according to a roadmap, and promulgation of a policy on fostering and encouraging teachers to apply the blended learning model. The results of this study will provide further research ideas about selecting the most appropriate approach to use when designing blended courses at high schools in Hanoi.

Keywords: Blended learning, advantages, disadvantages, high schools, Hanoi City.

* Corresponding author.

E-mail address: trangnh.ksp@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4417>

Tiềm năng đào tạo kết hợp tại trường trung học phổ thông ở Hà Nội

Nguyễn Hoàng Trang *, Mai Văn Hưng, Nguyễn Thị Thúy Quỳnh

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 07 tháng 5 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 03 tháng 6 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 03 tháng 6 năm 2020

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung vào việc xem xét tiềm năng đào tạo kết hợp (blended learning) bậc trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội. Khảo sát được thực hiện với sự tham gia của 550 học sinh và 30 giáo viên tại 3 trường trung học phổ thông ở Hà Nội. Phương pháp lấy mẫu là thuận tiện và sử dụng thang đo định danh. Kết quả nghiên cứu cho thấy có những thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai dạy học blended learning như: sự đáp ứng tốt về việc trang bị các phương tiện công nghệ cá nhân; sự hiểu biết và trải nghiệm của giáo viên về blended learning chưa đồng đều; mục tiêu dạy học của giáo viên về bản chất vẫn theo lối dạy học truyền thống. Một số giải pháp được đề xuất nhằm triển khai dạy học blended learning có hiệu quả, trong đó chú trọng nâng cao nhận thức của giáo viên và học sinh, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, tổ chức dạy học blended learning theo lộ trình và có chính sách khuyến khích, bồi dưỡng cho giáo viên tham gia dạy học blended learning. Nghiên cứu cũng là tiền đề cung cấp các ý tưởng tiếp theo về các mức độ dạy học blended learning tại Hà Nội.

Từ khóa: Blended learning, thuận lợi, khó khăn, trung học phổ thông, Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng công nghệ trong những năm qua với sự bùng nổ thông tin và vạn vật kết nối internet đã đem lại những cơ hội và thách thức mới cho giáo dục. Sự ra đời và phát triển các thiết bị công nghệ đã giúp cho quá trình tiếp cận tri thức trở nên đơn giản, nhanh chóng hơn. Những hình thức học tập ra đời dựa trên sự hỗ trợ của các nền tảng học tập điện tử (e-learning) đã đáp ứng được phần nào nhu cầu dạy và học trong kỉ nguyên của công nghệ. E-learning đã giúp các cơ sở giáo dục trên khắp thế giới tăng “hiệu suất” đào tạo của mình. Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm vượt trội như cá nhân hóa việc học, tài nguyên học tập phong phú, thời gian linh động, tương tác đa dạng e-learning còn tồn tại những hạn chế. Các nghiên cứu

[1-3] đã chỉ ra rằng, nhược điểm lớn nhất của e-learning là thiếu sự tương tác trực tiếp của người học, việc giải thích nội dung học tập và sự phát triển các kĩ năng giao tiếp cũng bị hạn chế. Blended learning như một giải pháp khắc phục những nhược điểm của e-learning. Blended learning là học tập kết hợp giữa học tập giáp mặt và học tập điện tử e-learning nhằm đem lại giải pháp học tập hiệu quả nhất cho người học. Blended learning có thể giúp khắc phục những nhược điểm của e-learning và hình thức học tập truyền thống như học tập thụ động, cứng nhắc, hoặc thiếu sự tương tác trực tiếp giữa người hướng dẫn và người học.

2. Tổng quan

Đến nay vẫn không có cách hiểu rõ ràng và nhất quán về thuật ngữ “blended learning”. Theo Thorne K. [4], blended learning là sự kết hợp giữa các yếu tố công nghệ dựa trên nền

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: trangnh.ksp@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4417>

tăng e - learning và sự tương tác trong dạy học truyền thống. Khái niệm blended learning theo Singh [5] là sự tổ hợp của các phương tiện công nghệ thông tin và các phương tiện học tập truyền thống nhằm cá nhân hóa việc học vào những khoảng thời gian phù hợp để đạt được hiệu quả học tập cao nhất. Một số công bố khác [6, 7] lại cho rằng blended learning là sự hòa trộn giữa e-learning và hình thức học tập giáp mặt face - to - face trong đó người học được làm chủ thời gian học tập và được học tập theo nhịp độ cá nhân. Theo Oliver M. [8] blended learning là sự kết hợp giữa dạy học e-learning và dạy học truyền thống, giữa dạy học trực tuyến và dạy học giáp mặt, kết hợp với việc sử dụng các phương tiện công nghệ (media), kết hợp giữa các không gian học khác nhau, và không bao gồm các yếu tố về nội dung, mục tiêu, phương pháp dạy học. Thực tế, blended learning đã được áp dụng rộng rãi trên thế giới. Số liệu thống kê về nhu cầu học tập điện tử trên nước Mỹ năm 2011 [9] đã cho thấy sự gia tăng nhu cầu học tập qua các khóa học e-learning. Nhu cầu đăng kí tham gia các khóa học truyền thống đã giảm mạnh từ 14,1 triệu lượt năm 2010 xuống 4,1 triệu lượt cho năm 2011. Đứng trước việc gia tăng nhu cầu học tập điện tử, các cơ sở đào tạo dần thích nghi nhanh chóng bằng việc xây dựng những khóa học tập kết hợp. Tuy nhiên sự kết hợp này chưa có tính hệ thống. Blended learning được hiểu là sự kết hợp giữa học tập điện tử và học tập giáp mặt với những tỉ lệ không nhất quán (60 - 40, 50 - 50, 70 - 30). Theo Moskal [10] không có một mô hình blended learning nào là hiệu quả nhất, có thể áp dụng trong mọi trường hợp, và cũng không đủ cơ sở thực tiễn về tỉ lệ tối ưu giữa e - learning và học tập giáp mặt. Kết quả khảo sát về các phương án tổ chức blended learning của M. Horn [11] đã chỉ ra rằng có 6 mô hình dạy học Blended learning: i) Face - to - face driver, ii) rotation, iii) flex, iv) online lab, v) self - blend, vi) online driver. Hình thức tổ chức blended learning phụ thuộc vào nhu cầu học tập của người học, mục tiêu giáo dục của các cơ sở đào tạo, cơ sở hạ tầng và các nền tảng công nghệ.

Dựa trên việc phân tích dữ liệu khoa học của các trường đại học trên thế giới, một số nghiên cứu đã đề cập đến các mức độ, hình thức dạy học kết hợp khác nhau [8, 12, 13]. Theo đó, có 3 mức độ dạy học kết hợp. Mức độ một là mức độ kết hợp cơ bản nhất, trong đó kết hợp phương pháp dạy học truyền thống với việc sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin. Nghiên cứu của Katela [14] đã chỉ ra rằng hầu hết các khóa học kết hợp bổ sung các hoạt động học tập điện tử mà không làm thay đổi các hoạt động dạy học giáp mặt thường xảy ra khi giáo viên thiếu kinh nghiệm xây dựng các khóa học tập kết hợp, hoặc giáo viên ở giai đoạn đầu triển khai dạy học kết hợp. Tổ chức một khóa học được thiết kế trên nền tảng lớp học truyền thống bổ sung thêm các hoạt động tương tác trực tuyến qua Facebook cho sinh viên ngành kiến trúc tại Đại học Adelaide, Australia, McCarthy [15] nhận thấy rằng việc sử dụng Facebook trong học tập làm tăng tương tác của các sinh viên trong lớp học truyền thống, tạo sự kết nối trong học tập và đáp ứng được nhu cầu học đa dạng của sinh viên. Mức độ hai là mức độ trong đó một số các hoạt động học tập giáp mặt được thay thế bằng các hoạt động học tập điện tử. Theo Vaughan [16] việc pha trộn các hoạt động học tập giáp mặt và điện tử đòi hỏi phải thiết kế lại một phần khóa học và phù hợp với những giáo viên có kinh nghiệm dạy học giáp mặt. Mức độ ba là mức độ cao nhất, trong đó khóa học được thiết kế lại toàn bộ với sự hỗ trợ của nền tảng quản lý học tập trực tuyến. Ở mức độ ba, dạy học kết hợp mang tính hệ thống và có sự quản lý đồng bộ quá trình học tập của học sinh bao gồm cả kiểm tra, đánh giá. Hofmann [17] cho rằng để có được khóa học kết hợp một cách hệ thống, cần xây dựng khóa học ngay từ đầu dựa theo chuẩn đầu ra thay vì chỉ thiết kế lại một số hoạt động như ở mức độ hai. Cần lưu ý rằng các nghiên cứu thực nghiệm về blended learning tại các quốc gia và vùng lãnh thổ, hay rộng hơn trên phạm vi châu lục còn rất ít ỏi. Một số nghiên cứu về dạy học kết hợp tại các quốc gia Châu Á như Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore [18, 19] đã cho thấy sự khác biệt về mức độ chấp nhận học tập pha trộn của các đối tượng người học khác nhau. Dựa

trên sự phân tích các số liệu thống kê, các nghiên cứu đều chỉ ra rằng có rào cản trong việc tổ chức dạy học kết hợp. Rào cản đó xuất phát từ sự thiếu hiểu biết về học tập kết hợp, chưa biết cách pha trộn học tập giáp mặt và học điện tử để tạo ra môi trường học tập hiệu quả.

Tại Việt Nam, theo báo cáo Thương mại điện tử thống kê đến tháng 1 năm 2020, có khoảng 68.2 triệu người dùng Internet trong nước trên tổng số 96.9 triệu dân, tăng 10% so với năm 2019. Trung bình mỗi người dành khoảng 6 giờ 30 phút mỗi ngày để truy cập Internet [20]. Tỷ lệ này ngày càng tăng đặc biệt là ở những người trẻ tuổi - những người có tư tưởng tiến bộ, sẵn sàng đổi mới phương pháp học tập thay cho cách học truyền thống. Các khóa học trực tuyến tại Việt Nam hiện nay chủ yếu tập trung vào việc bồi dưỡng tiếng Anh. Blended learning trong những năm gần đây nhận được nhiều sự quan tâm, nghiên cứu của các nhà giáo dục trong nước [21-24]. Tuy nhiên, sự phát triển kinh tế, xã hội không đồng đều dẫn đến có sự chênh lệch giáo dục theo vùng miền. Dạy học trực tuyến chủ yếu chỉ được triển khai ở các thành phố lớn, nơi các cơ sở đào tạo đáp ứng được các yêu cầu về hạ tầng công nghệ thông tin, website trường học. Nghiên cứu này trình bày những khảo sát thực trạng về thói quen dạy và học ứng dụng công nghệ thông tin của học sinh và giáo viên từ đó đề xuất những giải pháp nhằm triển khai dạy học blended learning hiệu quả.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để có thể đánh giá được tình hình thực tiễn và mức độ đáp ứng dạy học blended learning, khảo sát được thực hiện giữa năm 2019 với sự tham gia của 550 học sinh và 30 giáo viên tại 3 trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm: trường trung học phổ thông Đào Duy Từ (quận Thanh Xuân), trường trung học phổ thông Lương Văn Can (quận Cầu Giấy), trường Phổ thông liên cấp Alfred Nobel (quận Đống Đa). Phương pháp lấy mẫu là thuận tiện và phát phiếu khảo sát. Nhóm nghiên cứu chọn các trường tự thực nơi có đội ngũ giáo

viên trẻ và các hình thức học tập đa dạng. Đối với phiếu khảo sát thói quen học tập và ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập dành cho học sinh, nhóm nghiên cứu tiến hành điều tra thử trên 30 học sinh để làm cơ sở cho việc điều chỉnh phiếu trước khi tiến hành điều tra với số lượng lớn học sinh. Thời gian truy cập internet đã được điều chỉnh sau khi phân tích kết quả điều tra thử. Thời gian truy cập internet đã được điều chỉnh từ khoảng cách 1 giờ/ngày thành 2 giờ/ngày. Kết quả khảo sát đã có sự phân hóa rõ rệt hơn so với điều tra thử. Kiểm định thang đo cronbach alpha trong trường hợp này đã không được sử dụng vì thang đo là định danh.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả khảo sát thời gian truy cập internet cho thấy đa số học sinh truy cập internet nhiều hơn 4h mỗi ngày (Bảng 1). Con số này phù hợp với kết quả của báo cáo thương mại điện tử năm 2020 [20]. Thời gian truy cập internet của học sinh trung học phổ thông tương đương với số liệu điều tra dân số trên diện rộng. Có thể thấy rằng, internet đang trở thành một phần không thể thiếu đối với học sinh, đặc biệt là học sinh trung học phổ thông. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để triển khai dạy học blended learning ở trường trung học phổ thông.

Bảng 1. Thời gian truy cập internet trong ngày của học sinh

Thời gian truy cập internet/ngày		%
1 - 2 giờ/ngày		10.9
2 - 4 giờ/ngày		28.0
Nhiều hơn 4 giờ/ngày		61.1
Số mẫu N		550

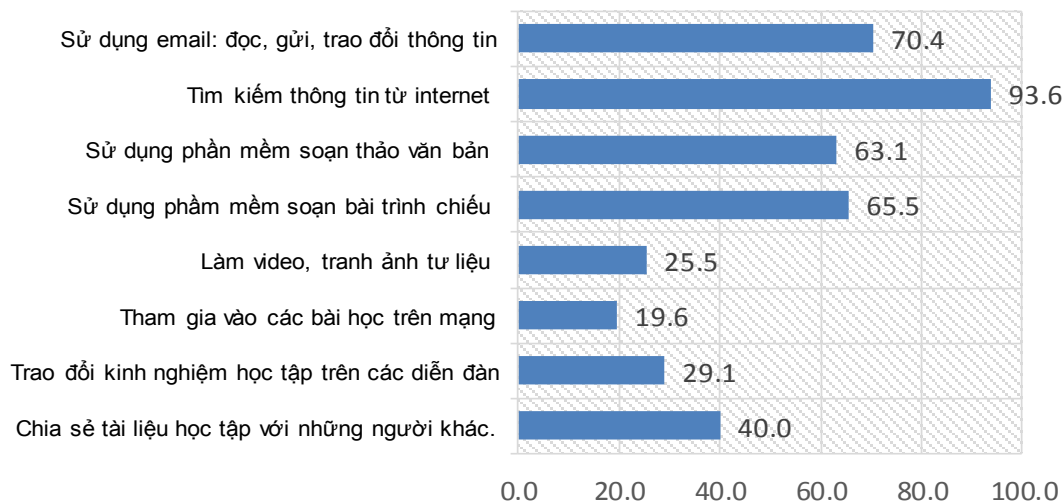
Mục đích sử dụng công nghệ thông tin trong học tập của học sinh trung học phổ thông cũng rất đa dạng (Hình 1). Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động quan trọng đầu tiên là tìm kiếm thông tin học tập (93.6%); trao đổi thông tin qua email chiếm 70.4%. Việc sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản và soạn bài trình chiếu chiếm tỉ lệ tương đương nhau (> 60%). Những mục đích khác như tham gia vào các bài học

trên mạng hay trao đổi kinh nghiệm học tập trên các diễn đàn chiếm tỉ lệ khiêm tốn (~ 20%). Như vậy, có thể thấy việc sử dụng công nghệ thông tin trong học tập của học sinh mới chỉ dừng lại ở nhu cầu học tập đơn giản. Học tập điện tử chưa thực sự được quan tâm. Kết quả này khác với các nước phương Tây nơi học sinh chú trọng tìm kiếm những khóa học online, các video học tập trực tuyến, tham gia vào các cuộc kiểm tra đánh giá online nhiều hơn là tìm kiếm thông tin học tập. Điều này phản ánh thực trạng học sinh trong nước vẫn quen với lối học tập truyền thống, thiếu chủ động và chưa có kỹ năng quản lý thời gian học tập hiệu quả thông qua việc sử dụng internet mặc dù đa số thời gian truy cập internet chiếm hơn 4h/ngày.

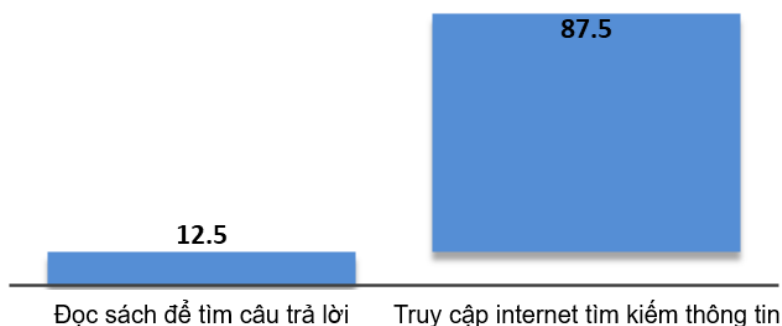
Khảo sát thói quen học tập của học sinh cho thấy khi gặp một vấn đề học tập, học sinh sẽ ngay lập tức sử dụng các phương tiện công nghệ sẵn có để truy cập internet tìm kiếm câu trả lời (87.5%) thay vì đọc sách giáo khoa và sách tham khảo (12.5%). Kết quả này cho thấy xu hướng sử dụng internet trong học tập của học sinh. Sách giáo khoa dường như không còn là “bách khoa toàn thư” như trước đây, và học sinh có nhu cầu tìm kiếm những nguồn thông tin khác, phong phú hơn. Bên cạnh đó, việc sử dụng internet thường nhanh chóng, thuận tiện hơn cho việc tìm kiếm câu trả lời học tập.

Nghiên cứu đánh giá của học sinh trong việc sử dụng các phương tiện công nghệ trong trường học, chúng tôi tiến hành lấy ý kiến cá nhân học sinh. Kết quả cho thấy 73.3% học sinh cho rằng “rất thú vị”; 58.4% cho rằng giờ học sẽ hiệu quả hơn. Tuy nhiên những ý kiến trên theo nhóm nghiên cứu mang tính phỏng đoán nhiều hơn khi mà tỉ lệ học sinh đã được sử dụng phương tiện công nghệ trong trường học khá khiêm tốn (9.6%). Bên cạnh đó, 44.2% học sinh cho rằng việc sử dụng các phương tiện công nghệ trong trường học là cần thiết nhưng cơ sở vật chất chưa đáp ứng được. Đánh giá này phù hợp với điều kiện thực tế tại các trường phổ thông không chỉ riêng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

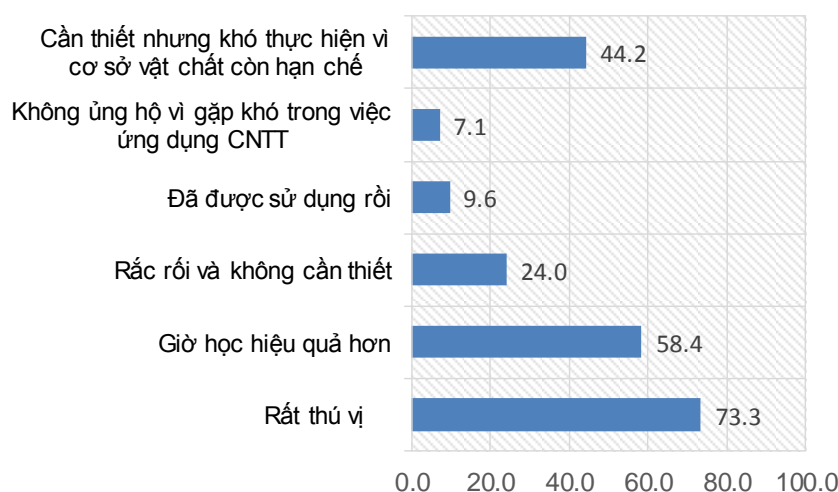
Để có cái nhìn khách quan hơn, chúng tôi tiến hành khảo sát với giáo viên. Khảo sát được thực hiện bằng phương pháp lấy mẫu thuận tiện tại các trường phổ thông đã lựa chọn ban đầu (Bảng 2). Để triển khai dạy học blended learning thì điều kiện cần và đủ là đội ngũ giáo viên phải có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Để đánh giá được thực trạng này chúng tôi tiến hành khảo sát các nội dung như mục đích sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, các hình thức tương tác với học sinh trong và ngoài lớp học, các mức độ dạy học kết hợp, và nhu cầu tham gia các khóa bồi dưỡng dạy học blended learning của giáo viên.



Hình 1. Mục đích sử dụng công nghệ thông tin trong học tập của học sinh.



Hình 2. Thói quen học tập của học sinh.



Hình 3. Đánh giá của học sinh về sử dụng các phương tiện công nghệ trong trường học.

Kết quả khảo sát mục đích sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học cho thấy đa số giáo viên sử dụng công nghệ thông tin phục vụ cho các mục đích dạy học cơ bản như soạn bài giảng (100%), tìm kiếm tài liệu (93.3%), trao đổi thông tin (90.0%), thiết kế trò chơi học tập và quản lý danh sách học sinh (70.0%). Các mục đích khác gắn liền với việc tổ chức dạy học điện tử vẫn chiếm tỉ lệ thấp như xây dựng lớp học ảo (16.7%), thiết kế ebook (13.3%), kiểm tra đánh giá trực tuyến (33.3%).

Các số liệu này phản ánh thực trạng việc dạy học điện tử chưa được áp dụng phổ biến, thậm chí tại các trường có phương pháp dạy học đa dạng. Đội ngũ giáo viên đã có những kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đáp

ứng được điều kiện cần thiết để tổ chức dạy học blended learning.

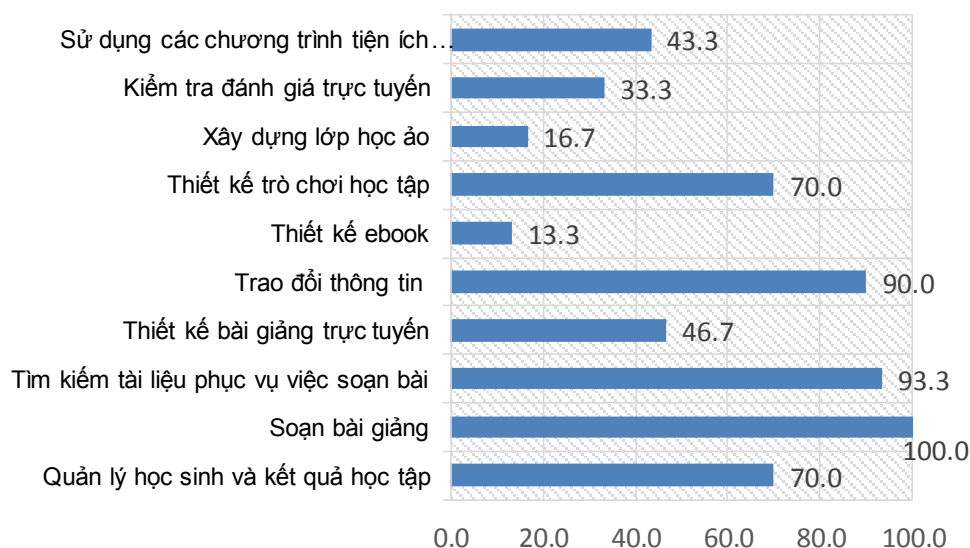
Bảng 2. Đặc điểm của giáo viên tham gia khảo sát

Năm công tác	%
0 - 5 năm	23.3
5 - 10 năm	46.7
Trên 10 năm	30.0
Số mẫu N	30

Trong dạy học blended learning, sự tương tác của giáo viên với học sinh đóng vai trò rất quan trọng. Một trong những ưu điểm của blended learning so với hình thức học tập điện tử là phát huy được sự tương tác của giáo viên với học sinh. Nghiên cứu các hình thức tương

tác hiện nay của giáo viên với học sinh trong giờ học cho thấy hình thức giao tiếp giáp mặt (face - to - face) là hình thức chiếm ưu thế (93.7%), chỉ một tỉ lệ nhỏ (6.7%) giáo viên kết hợp giao tiếp giáp mặt và giao tiếp qua mạng

internet với học sinh trong giờ học. Nguyên nhân chính của thực trạng này là việc không khuyến khích học sinh được sử dụng các thiết bị công nghệ trong giờ học hiện nay như điện thoại thông minh, hay thậm chí laptop.



Hình 4. Mục đích sử dụng CNTT trong dạy học.

Thực tế việc sử dụng các thiết bị công nghệ trong giờ học sẽ dễ làm học sinh có những hoạt động cá nhân nằm ngoài nội dung học tập. Để giải quyết được vấn đề này người giáo viên cần có kĩ năng quản lý lớp học và điều phối các nhiệm vụ học tập để học sinh sử dụng internet như một phương tiện học tập trong quá trình học trên lớp. Các hình thức tương tác ngoài lớp học phong phú hơn bao gồm các hình thức sử dụng điện thoại, hòm thư điện tử (100%), thông qua việc liên hệ với phụ huynh học sinh (83.3%), thông qua các mạng xã hội (76.7%). Tuy nhiên việc tương tác với học sinh thông qua một nền tảng hỗ trợ quản lý học tập chỉ chiếm 46.7%. Hiện nay có rất nhiều các nền tảng hỗ trợ quản lý lớp học miễn phí phải kể đến như Google Classroom, Edmodo, Schoology đến những nền tảng chuyên nghiệp hơn như Moodle. Các trường đại học ở Việt Nam đã nắm bắt kịp xu thế đào tạo của thế giới và bắt đầu sử dụng các nền tảng này trong dạy học như hệ thống các trường đại học trực thuộc

Đại học Quốc gia Hà Nội. Tuy nhiên ở bậc trung học phổ thông, việc sử dụng các nền tảng như thế này vẫn còn rất hạn chế.

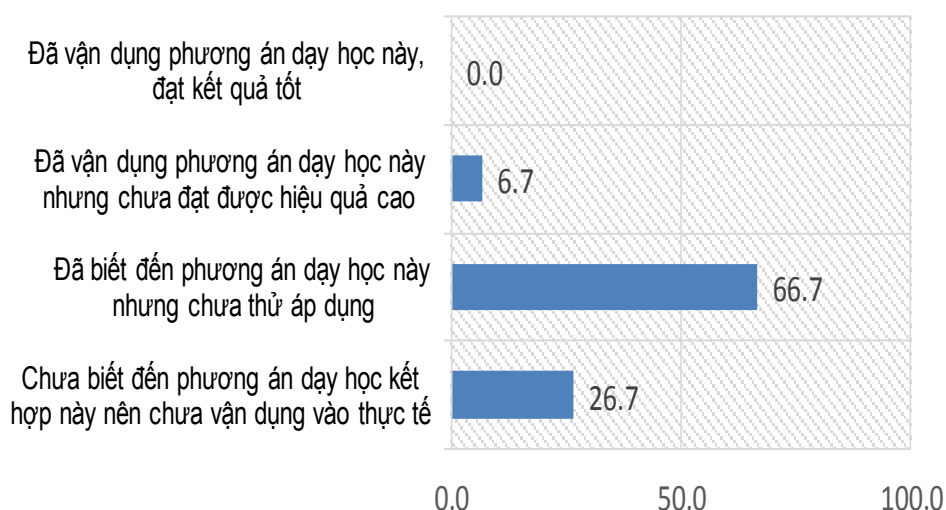
Khảo sát tiếp mức độ dạy học kết hợp (ở đây được hiểu là kết hợp giữa dạy học giáp mặt và dạy học điện tử e-learning) nhóm nghiên cứu quan sát thấy những kết quả thú vị.

Số giáo viên chưa biết đến dạy học kết hợp chiếm tỉ lệ không lớn (26.7%). Số giáo viên đã biết đến dạy học kết hợp nhưng chưa thử áp dụng chiếm tỉ lệ lớn nhất (66.7%). Nếu so sánh với số liệu khảo sát ở trên ta thấy gần 50% giáo viên đã sử dụng nền tảng hỗ trợ quản lý lớp học (Bảng 3) tuy nhiên chỉ một tỉ lệ nhỏ giáo viên (6.7%) cho rằng đã dạy học kết hợp nhưng chưa thấy có hiệu quả.

Có thể thấy rằng, thực tế dạy học kết hợp đã được áp dụng trong trường phổ thông ở những mức độ khác nhau. Tuy nhiên sự hiểu biết của giáo viên về phương án học tập này vẫn chưa đầy đủ dẫn đến việc nhầm lẫn trong tự đánh giá mức độ áp dụng dạy học kết hợp.

Bảng 3. Các hình thức tương tác với học sinh

Trong giờ học	%
Giao tiếp giáp mặt	93.3
Sử dụng kết hợp giao tiếp giáp mặt với hình thức kết nối qua internet	6.7
Ngoài giờ học	
Thông qua tin nhắn, cuộc gọi, email	100.0
Thông qua mạng xã hội (chat, thảo luận qua forum,)	76.7
Thông qua nền tảng hỗ trợ quản lý học tập	46.7
Thông qua việc liên hệ với phụ huynh học sinh	83.3



Hình 5. Mức độ dạy học kết hợp của giáo viên.

Ghi nhận rằng 0% giáo viên cho rằng đã áp dụng dạy học kết hợp hiệu quả.

Nội dung cuối cùng của khảo sát là tìm hiểu nhu cầu tham gia các khóa bồi dưỡng dạy học kết hợp của giáo viên. Giáo viên chỉ lựa chọn một phương án của nội dung này. 70% giáo viên có nhu cầu tham gia các khóa học bồi dưỡng dạy học kết hợp cho thấy nhu cầu bồi dưỡng dạy học kết hợp trong đội ngũ giáo viên chiếm tỉ lệ đa số, và xuất phát từ nhu cầu tự thân, muốn tìm hiểu, cập nhật phương pháp dạy học mới. Vẫn còn một số không ít giáo viên (30%) cho rằng việc cập nhật dạy học kết hợp sẽ chỉ thực hiện khi có sự điều phối, chỉ thị của cơ quan quản lý.

Bảng 4. Nhu cầu tham gia các khóa bồi dưỡng dạy học kết hợp của giáo viên

Nội dung	%
Có nhu cầu	70.0
Sẽ tham gia nếu được cơ quan cử đi học	30.0
Không có nhu cầu	0.0

5. Thảo luận

Blended learning xuất hiện như một giải pháp khắc phục những nhược điểm của dạy học giáp mặt và dạy học e-learning.

Hiện nay các trường đại học trong nước và một số ít các trường phổ thông đã bắt đầu chú trọng việc triển khai dạy học blended learning. Tuy nhiên qua khảo sát đánh giá thực trạng việc đáp ứng dạy học blended learning của giáo viên và học sinh, nhóm nghiên cứu quan sát thấy một số những thuận lợi và khó khăn trong việc triển khai dạy học blended learning. Sự trang bị các phương tiện công nghệ cá nhân của giáo viên và học sinh đáp ứng tốt việc dạy học blended learning. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy và học của giáo viên và học sinh đều ở mức độ cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi cho dạy học blended learning. Ở các quốc gia phát triển thì mức độ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của giáo viên vẫn được đánh giá không cao [25, 26]. Theo [26] các chính sách giáo dục khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin là yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu cũng như kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của giáo viên. Nhu cầu dạy và học qua internet của giáo viên và học sinh xuất phát từ nhu cầu tự thân, và đang trở thành nhu cầu tất yếu trong giáo dục. Nhu cầu này xuất phát từ sự ảnh hưởng của công nghệ thông tin lên mọi mặt xã hội, trong đó có giáo dục. Đánh giá tính hiệu quả của blended learning trong các nghiên cứu khảo sát ý kiến người dạy và người học, rất nhiều các công bố trước đây về Blended learning đều cho rằng đây sẽ là xu thế học tập trong tương lai [15, 18, 19]. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất theo nhóm nghiên cứu là nhận thức, hiểu biết cũng như trải nghiệm của giáo viên về dạy học blended learning chưa đồng đều. Thực trạng này cũng gặp phải tại các quốc gia trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản [18, 19]. Ngoài ra sự chú trọng triển khai dạy học blended learning của các cơ sở đào tạo còn hạn chế. Một nghiên cứu gần đây về giáo dục Việt Nam của Peeraer [27] đã nhận định các nhà giáo dục hiện nay ở nước ta chủ yếu tập trung sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý. Peeraer đưa ra khuyến nghị rằng cần tăng cường sử dụng công nghệ thông tin như một phương tiện trong dạy học, và cần có những chính sách phù hợp để cải thiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của giáo viên. Lưu ý rằng, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của

giáo viên là yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức dạy học blended learning ở những mức độ khác nhau [13].

Từ thực trạng trên, cần có những giải pháp đối với học sinh, giáo viên và các cơ sở đào tạo nhằm triển khai dạy học blended learning một cách hiệu quả. Tại Trung Quốc, dù blended learning được nhiều nhà giáo dục quan tâm thì dạy học truyền thống vẫn chiếm ưu thế và là rào cản để lồng ghép các hoạt động dạy học điện tử trong các khóa học truyền thống [19]. Thực tế, dù đã tiếp cận những phương pháp dạy học tích cực và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học thì về bản chất, cách dạy học của giáo viên không thay đổi. Đó là cách truyền thụ một chiều, cố gắng lấp đầy những “lỗ hổng” về kiến thức và chưa phát huy được tính tự chủ và chủ động trong học tập của học sinh. Điều này ảnh hưởng đến việc xác định mục tiêu dạy học và các hình thức tổ chức dạy học của giáo viên. Vì vậy, việc đầu tiên cần phải làm để dạy học blended learning hiệu quả đó là nâng cao nhận thức của giáo viên về việc dạy học phát triển năng lực học sinh, trong đó học sinh là người chủ động tìm tòi, khám phá, chiếm lĩnh tri thức và giáo viên là người định hướng. Theo Peeraer [27], cần rèn luyện, nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của giáo viên bởi vì dạy học kết hợp yêu cầu yếu tố ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Ngoài ra, chất lượng nguồn tài nguyên học liệu cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Để chuẩn bị được học liệu điện tử giáo viên phải mất rất nhiều thời gian chuẩn bị. Thời gian đầu, để dạy học blended learning giáo viên có thể cảm thấy phải làm việc nhiều hơn so với dạy học truyền thống. Đây là một nguyên nhân gây trở ngại rất lớn về mặt tâm lý. Vậy nên dạy học blended learning phải được triển khai có lộ trình, từ mức độ thấp đến mức độ cao dần nhằm giảm tải áp lực cho giáo viên và hình thành thói quen dạy học blended learning. Ngoài ra, giáo viên cần phải biết cân đối thời lượng giữa các pha học tập e-learning và học giáp mặt nhằm tránh sự mệt mỏi, căng thẳng của học sinh khi tham gia học tập điện tử. Về phía các cơ sở đào tạo, để triển khai dạy học blended learning cần có những cơ chế quản lý và chính sách hỗ trợ phù

hợp cho giáo viên. Thứ nhất, cần xác định được cơ sở hạ tầng của Nhà trường đáp ứng dạy học blended learning ở mức độ nào để có phương án đầu tư. Thứ hai, rà soát kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, sự hiểu biết, trải nghiệm của đội ngũ giáo viên trong dạy học kết hợp từ đó xây dựng lộ trình triển khai phù hợp. Thứ ba, cần có các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho giáo viên trong việc xây dựng nguồn học liệu điện tử, bài giảng điện tử, v.v,... Thứ tư, tổ chức các lớp tập huấn hoặc cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn về dạy học kết hợp kết hợp trao đổi kinh nghiệm dạy học kết hợp trong sinh hoạt chuyên môn.

6. Kết luận

Dạy học blended learning đang dần được phổ biến ở nước ta trong khoảng mười năm trở lại đây. Nghiên cứu này tập trung vào việc phân tích tiềm năng đáp ứng dạy học blended learning bậc trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội thông qua điều tra khảo sát thói quen dạy và học có ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên và học sinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy bên cạnh những thuận lợi như sự trang bị phương tiện cá nhân, thói quen dạy và học sử dụng internet, còn có khó khăn trong việc triển khai dạy học blended learning như: dạy học vẫn theo lối truyền thống và quản lý thời gian học tập qua mạng internet chưa hiệu quả; tâm lý ngại thay đổi; chưa thật sự chú trọng, khuyến khích dạy học blended learning của các cơ sở đào tạo. Để triển khai dạy học blended learning có hiệu quả, một số giải pháp được đề xuất nâng cao nhận thức của giáo viên về dạy học phát triển năng lực; rèn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của giáo viên và học sinh; triển khai dạy học blended learning theo lộ trình từ mức độ cơ bản đến mức độ cao dần; tăng cường hình thành thói quen học tập đa dạng cho học sinh. Đối với các trường trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội, việc tổ chức dạy học blended learning cần có kế hoạch cụ thể như: khảo sát tiềm năng đáp ứng dạy học blended learning ở mức độ nào của đội ngũ giáo viên và cơ sở vật

chất hiện có; có chính sách, chế độ khuyến khích và hỗ trợ cho giáo viên trong dạy học blended learning; tăng cường bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên về dạy học blended learning.

Hạn chế của nghiên cứu này là chưa đánh giá được mức độ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của giáo viên và các yếu tố về chính sách quản lý, đánh giá nhu cầu xã hội về blended learning từ phía các nhà quản lý. Tuy nhiên nghiên cứu cũng là tiền đề để nhóm nghiên cứu tiếp tục những đánh giá các mức độ dạy học blended learning và đề xuất những phương án tổ chức dạy học blended learning phù hợp với điều kiện thực tiễn tại các cơ sở đào tạo hiện nay.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Sở Khoa học Công nghệ Hà Nội trong đề tài KH&CN cấp thành phố mã số 01X-12/04-2018-3.

Tài liệu tham khảo

- [1] V. Cantoni, M. Cellario, M. Porta, Perspectives and challenges in e-Learning: towards natural interaction paradigms, *Journal of Visual Languages and Computing* 15 (2004) 333-345. <https://doi.org/10.1016/j.jvlc.2003.10.002>.
- [2] D. Klein, M. Wave, E-learning: New opportunities in continuing professional development, *Learned Publishing* 16(1) (2003) 34 - 46. <https://doi.org/10.1087/095315103320995078>
- [3] M. Nichols, A Theory for E-Learning, *Educational Technology and Society* 6(2) (2003) 1-10.
- [4] K. Thorne, Blended learning, How to integrate online and traditional learning, Kogan Page, London, 2003.
- [5] H. Singh, C. Reed, A White paper: Achieving success with blended learning, Centra Software. 2001. <http://www.centra.com/download/whitepapers/blendedlearning.pdf/>, 2001.
- [6] J. Reay, Blended learning: A fusion for the future, *Knowledge Management Review* 4(3) (2001) 6.

- [7] J.E. Rooney, Blended learning opportunities to enhance educational programming and meetings, *Association Management* 55(5) (2003) 26-32.
- [8] M. Oliver, K. Trigwell, Can “Blended Learning” Be Redeemed? *E-Learning and Digital Media* 2(1) (2005) 17-26.
- [9] Ambient Insight, Learning and performance technology research taxonomy, Monroe, WA: Ambient Insight. (2011) Retrieved from <http://www.ambientinsight.com/Reports/eLearning.aspx/>, 2011 (accessed 21 January 2011).
- [10] P. Moskal, C. Dziuban, J. Hartman, Blended learning: A dangerous idea? *The Internet and Higher Education*, 18(2013) 15-23. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2012.12.001>
- [11] M.B. Horn, H. Staker, *Blended: Using disruptive innovation to improve schools*, Jossey - Bass. 2014
- [12] M. Driscoll, Blended learning: Let’s get beyond the hype, IBM Global Services, Retrieved from <http://www-07.ibm.com/services/pdf/blended-learning.pdf/>, 2002 (accessed 25 November 2013).
- [13] A. Alammary, J. Sheard, A. Carbone, Blended learning in higher education: Three different design approaches, *Australasian Journal of Educational Technology* 30(4) (2014) 440-454.
- [14] R. Kaleta, K. Skibba, T. Joosten, Discovering, designing, and delivering hybrid courses. In A.G. Picciano & C.D. Dziuban (Eds.), *Blended learning research perspectives.*, Needham, MA: Sloan-C, 2007, pp. 111-143.
- [15] J. McCarthy, Blended learning environments: Using social networking sites to enhance the first year experience, *Australasian Journal of Educational Technology* 26 (2010) 729-740.
- [16] N. Vaughan, Perspectives on blended learning in higher education, *International Journal on E-learning* 6(1) (2007) 81-94.
- [17] Hofmann J. Why Blended learning hasn’t (yet) fulfilled its promises, *Handbook of blended learning: Global perspectives, local designs*, 2006, pp. 27-40.
- [18] K. Kim, C.J. Bonk, Y. Teng, The present state and future trends of blended learning in workplace learning settings across five countries. *Asia Pacific Educ. Rev.* 10 (2009) 299-308. <https://doi.org/10.1007/s12564-009-9031-2>.
- [19] R. Tham, L. Tham Challenges facing blended learning in higher education in Asia. *International Journal on E-Learning* 12(2) (2013) 209-19.
- [20] Datareportal, Digital 2020: Vietnam. <https://datareportal.com/reports/digital-2020-vietnam/>, 2020 (accessed 18 February 2020).
- [21] N.H. Nam, V.T. Giang, V.D. Luat, B-Learning Issues: A Suggestion for Developing the Framework, *Journal of Science of HNUE*, 61(11) (2016) 57-65. <https://doi.org/10.18173/2354-1075.2016-0216>
- [22] P.K. Chung, T.Q. Cuong, Teacher Professional Development: Blended Learning Courses, *VNU Journal of Science: Education Research* 34(3) (2018) 1-7. <https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4099>.
- [23] N.H. Trang, Blended learning in chemistry at high schools, *Journal of Education. Special Volume, Issue 2, Oct.* (2017) 205-207. (in Vietnamese)
- [24] H.T.T. Hoai, T.T. Thao, The implementation of Blended learning approach in higher education institutions - a solution to teaching English in large classes, *TNU Journal of Science and Technology*. 199(6) (2019) 87-92. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.2019.06.978>.
- [25] D. Williams, L. Coles, K. Wilson, A. Richardson, J. Tuson Teachers and ICT: Current use and future needs, *British journal of educational technology* 31(4) (2000) 307-20. <https://doi.org/10.1111/1467-8535.00164>.
- [26] M.A. Moreira, V.M. Rivero, J.J. Alonso, Leadership and school integration of ICT. Teachers perceptions in Spain. *Education and Information Technologies* 24(1) (2019) 549-65. <https://doi.org/10.1007/s10639-018-9789-0>.
- [27] Peeraer J, Van Petegem P. ICT in teacher education in an emerging developing country: Vietnam’s baseline situation at the start of “The Year of ICT”, *Computers & Education* 56(4) (2011) 974-82.